

Số: /BC-UBND

Cẩm Lương, ngày tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Công tác bình đẳng giới 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

Thực hiện công văn số 1211/UBND – LĐTBXH ngày 24/5/2023 của UBND huyện Cẩm Thủy về báo cáo kết quả triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về công tác Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ 6 tháng đầu năm 2023. UBND xã Cẩm Lương báo cáo kết quả cụ thể như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Tình hình xây dựng, ban hành, thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch

a) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới

| STT | Tên văn bản | Cơ quan ban hành/Cấp ban hành | Ngày ban hành | Hình thức văn bản | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|-----|---|-------------------------------|---------------|-------------------|---------------------------|
| 1 | Hướng dẫn công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. | UBND xã Cẩm Lương | 20/04/2023 | Công văn | Chính sách XH |

b) Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (LGG) trong xây dựng chính sách, pháp luật, các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

| STT | Tên văn bản được LGG | Nội dung LGG | Cơ quan ban hành | Ngày ban hành | Ngày có hiệu lực | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|-----|----------------------|--------------|------------------|---------------|------------------|---------------------------|
| 1 | Không | | | | | |

2. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Tổ chức tuyên truyền lồng ghép 02 hội nghị tại các thôn số lượng tham gia 150 lượt người, đối tượng là đại diện các hộ gia đình tại các thôn, mục đích truyền thông nội dung cơ bản về luật bình đẳng giới.

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên trên hệ thống loa truyền thanh của xã mỗi tháng 02 bài tuyên truyền.

3. Công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

UBND xã đã xây dựng và ban hành 02 kế hoạch để phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới gồm: Kế hoạch số 119/KH – UBND ngày 16/12/2021 về Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Cẩm Lương; Kế hoạch số 83/KH – UBND ngày 26/05/2022 về Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022 – 2030.

Đến nay trên địa bàn xã không có các vụ việc liên quan đến bạo lực trên cơ sở giới.

4. Công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới

a. Số lượng cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới tại địa phương: có **01** cán bộ kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới.

b. Nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới: UBND xã cử cán bộ tham gia tập huấn nâng cao năng lực do các cấp tổ chức

c. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới - Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra tại địa phương: Không

Số lượng các vụ việc bị xử phạt/ hình thức xử phạt/ Mức xử phạt: Không

d. Công tác nghiên cứu, thống kê, công bố thông tin, số liệu: không

đ. Kinh phí địa phương/đơn vị và huy động dành cho hoạt động bình đẳng giới

- Ngân sách thường xuyên và huy động từ các nguồn

| Năm | Kinh phí (triệu đồng) | | Ghi chú |
|------|-----------------------|----------|---------|
| | Ngân sách nhà nước | Huy động | |
| 2021 | 0 | 0 | |
| 2022 | 0 | 0 | |
| 2023 | 0 | | |

- Ngân sách phân bổ cho việc thực hiện các nội dung về bình đẳng giới trong 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Không

e) Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới: Không

g) Việc triển khai các hoạt động nhằm tăng cường chuyển đổi số trong việc thực hiện công tác bình đẳng giới: Không

h) Việc ban hành và thực hiện các chính sách hỗ trợ việc làm, chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, trẻ em bị ảnh hưởng bởi COVID-19: UBND xã thường xuyên phối hợp với các công ty tư vấn xuất khẩu lao động và việc làm tổ chức tuyên

truyền đê người lao động trên địa bàn xã nhất là phụ nữ có cơ hội tiếp cận và tìm kiếm việc làm phù hợp.

5. Đánh giá tình hình chung triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới

Qua việc triển khai luật BDG cho thấy, về cơ bản các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước đối với công tác bình đẳng giới đã được thể chế hóa trong Luật BDG và các văn bản hướng dẫn thi hành. Có thể khẳng định Luật BDG đã tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân ban hành và triển khai các biện pháp nhằm tăng cường vai trò và sự tham gia của cả nam và nữ trong quá trình phát triển của đất nước. Nhiều quy định của Luật BDG đã được triển khai trong thực tế, đem lại kết quả tích cực, góp phần không nhỏ vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian vừa qua.

PHẦN II TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh.

Ngay sau khi tiếp thu các văn bản hướng dẫn của huyện và của tỉnh UBND xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai công tác bình đẳng giới trên địa bàn xã giai đoạn 2021 – 2025

2. Kết quả thực hiện 06 mục tiêu và 20 chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 6 tháng đầu năm 2023

1. Mục tiêu 1

a. Các hoạt động giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị

Trong những năm qua, các quy định của Luật BDG trong lĩnh vực chính trị đã được thực hiện khá toàn diện, đảm bảo sự tham gia bình đẳng của nam và nữ trong quản lý nhà nước và tham gia hoạt động xã hội. Việc quy hoạch cán bộ nữ vào cấp ủy đã được quan tâm chú trọng đảm bảo theo quy định của pháp luật, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ là nữ đã được quan tâm thực hiện đảm bảo cho cả cán bộ nam và nữ đều được đào tạo từng bước đạt chuẩn.

b. Kết quả thực hiện mục tiêu:

- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt UBND: Không.
- Nữ quy hoạch lãnh đạo chủ chốt UBND: có
- Số lượng/Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2021 – 2025 = 16,6

%

- Đánh giá chỉ tiêu: Chưa đạt

c. Khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện:

Tỷ lệ phụ nữ tham gia công tác quản lý, lãnh đạo nói chung và tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các cơ quan nhà nước nói riêng còn thấp so với lực lượng lao động nữ và chưa tương xứng với tiềm năng của phụ nữ.

Gánh nặng công việc gia đình và những định kiến về năng lực quản lý của phụ nữ góp phần gây trở ngại đối với phụ nữ tham gia vào lĩnh vực chính trị dẫn đến phụ nữ chưa tự tin khẳng định năng lực của mình.

2. Mục tiêu 2

a. Các hoạt động làm giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.

Trong thời gian qua, sự tham gia của cả nam và nữ trong hoạt động kinh tế, các ngành nghề kinh doanh đã có sự cải thiện rõ rệt. Các cơ quan chức năng cũng đã chủ động ban hành nhiều chương trình, chính sách nhằm thúc đẩy BDG trong lĩnh vực kinh tế.

b. Kết quả thực hiện mục tiêu:

Chỉ tiêu 1: tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương đạt 42,2%.

Chỉ tiêu 2: tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm 40,0%

Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã 20%

c. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Phần lớn lao động nữ không phải là chủ hộ việc quyết định phát triển kinh tế, sản xuất chủ yếu là do nam giới thực hiện.

3. Mục tiêu 3

a. Các hoạt động đảm bảo bình đẳng giới trong gia đình và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Hội Liên hiệp phụ nữ triển khai các hoạt động thiết thực như: hướng dẫn kiến thức, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình; cung cấp dịch vụ gia đình; tư vấn và trợ giúp pháp lý về hôn nhân, gia đình; phát triển nhiều mô hình, câu lạc bộ. Các hoạt động hỗ trợ đã giúp phụ nữ nâng cao nhận thức, giảm bớt gánh nặng công việc gia đình, có nhiều thời gian tập trung cho phát triển kinh tế và tham gia các hoạt động xã hội. Các mô hình phòng chống mua bán phụ nữ, trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình như nhà tạm lánh, địa chỉ tin cậy tại cộng đồng được đẩy mạnh nhằm hỗ trợ và bảo vệ an toàn cho phụ nữ và trẻ em.

b. Kết quả thực hiện mục tiêu:

Chỉ tiêu 1: Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 2,2 lần so với nam giới. (Chưa đạt)

Chỉ tiêu 2: 100% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; (đạt)

Chỉ tiêu 3: 100% số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng. (chỉ tiêu đã đạt)

c. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Vẫn còn những định kiến về giới trong đời sống người dân hàng ngày như xem nam giới là trụ cột chính, phụ nữ phải chăm sóc con cái, gia đình. Điều này tạo gánh nặng cho cả phụ nữ và nam giới, hạn chế sự tham gia vào công việc ngoài xã hội của phụ nữ nhưng lại đặt áp lực lên người nam giới phải cố gắng kiếm tiền để chi trả cho các sinh hoạt hằng ngày.

Hiện nay vẫn còn một bộ phận người dân có tư tưởng trọng nam bất buộc phải sinh con trai dẫn đến mất cân bằng giới tính khi sinh.

Vẫn còn tình trạng bạo lực đối với phụ nữ và do tâm lý e ngại không muốn chia sẻ nên các vụ bạo lực được phát hiện và xử lý còn rất hạn chế.

4. Mục tiêu 4

a. Các hoạt động nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Trong những năm qua việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ đã được quan tâm thực hiện .

b. Kết quả thực hiện chỉ tiêu của mục tiêu 4 tại địa phương

Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở mức 110 bé trai/100 bé gái sinh ra sống (chỉ tiêu đã đạt).

Chỉ tiêu 2: Không có bà mẹ tử vong liên quan đến thai sản (chỉ tiêu đã đạt).

Chỉ tiêu 3: Không có tỷ suất sinh ở vị thành niên (chỉ tiêu đã đạt).

c. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế.

Tình trạng mất cân bằng giới tính khi còn khá lớn Điều này sẽ làm nảy sinh các vấn đề bất cập trong lực lượng lao động và dân số của đất nước trong tương lai.

5. Mục tiêu 5

a. Các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Trên địa bàn xã không có tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng, đặc biệt là học sinh nữ. số lượng học sinh nữ có nhu cầu học nghề hoặc học trung cấp, cao đẳng, đại học đều được đảm bảo không có tình trạng học sinh muốn theo học mà gia đình ngăn cấm.

b. Kết quả thực hiện chỉ tiêu của mục tiêu:

Chỉ tiêu 1: Không

Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt 100% ; tỷ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 100% vào năm. Trong đó, tỷ lệ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đối với học sinh nam và nữ là tương đương. (chỉ tiêu đã đạt)

Chỉ tiêu 3: Không

Chỉ tiêu 4: Không

c. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện: Không

5. Mục tiêu 6

a. Các hoạt động nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin.

Truyền thông về bình đẳng giới trên các phương tiện truyền thông được đẩy mạnh trong thời gian qua. Hình ảnh người phụ nữ tự tin vươn lên, khẳng định mình trong công việc xuất hiện ngày càng nhiều, bên cạnh là hình ảnh người nam giới chia sẻ công việc gia đình cùng với vợ con cũng được chú ý. Tỷ lệ phụ nữ tham gia các hoạt động văn hóa và tiếp cận thông tin ngày càng cao

hơn. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ đã có những đổi mới, cải tiến về nội dung, chất lượng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thưởng thức của mỗi giới.

b. Kết quả thực hiện chỉ tiêu:

Chỉ tiêu 1: 50,5 % dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới. (Chưa đạt)

Chỉ tiêu 2: 60,2% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới. (Chưa đạt)

Chỉ tiêu 3: Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở. (chỉ tiêu đã đạt)

Chỉ tiêu 4: đài truyền thanh xã có tin, bài tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hằng tháng (chỉ tiêu đã đạt)

c. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

các chuyên mục phát sóng về bình đẳng giới phát trên kênh truyền thanh xã đã được quan tâm, song phần nhiều các chuyên mục được phát sóng chưa mang tính thường xuyên, mới chỉ phát sóng theo thời gian, giai đoạn nhất định trong năm

3. Đánh giá việc thực hiện các giải pháp đã đề ra để khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2022

Công tác bình đẳng giới là nhiệm vụ quan trọng, cần có sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị thì mới đạt được các chỉ tiêu đề ra.

Trên cơ sở các chỉ tiêu chưa đạt UBND xã xác định các giải pháp cần tiếp tục thực hiện để thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đề ra cụ thể như sau:

- Vận động nguồn lực để thực hiện các chỉ tiêu: Vận động các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm đóng góp kinh phí để tổ chức thực hiện các nội dung của công tác bình đẳng giới.

- Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền đến toàn thể, cán bộ, đảng viên, các hộ gia đình những nội dung liên quan đến công tác bình đẳng giới từ đó nâng cao nhận thức của người dân về công tác bình đẳng giới.

- Phối hợp lồng ghép các hoạt động bình đẳng giới vào các nội dung hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trên xã.

**PHẦN III
ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Kết quả đạt được

Luật bình đẳng giới được ban hành và triển khai đã tạo ra sự chuyển biến trong cấp ủy đảng, chính quyền, trong đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân.

Công tác bình đẳng giới đã được lồng ghép trong mọi lĩnh vực của đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa – xã hội.

Nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về bình đẳng giới đã được nâng lên. Công tác bình đẳng giới đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng.

Công tác lồng ghép vấn đề bình đẳng giới đã được triển khai vào các hoạt động của cấp xã và cấp thôn.

2. Khó khăn, vướng mắc

Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng phải kiêm nhiệm các công việc khác nên không có thời gian dành cho công tác này, và không có kiến thức về giới, kỹ năng tuyên truyền lồng ghép giới trong các hoạt động.

Không có kinh phí phân bổ riêng cho hoạt động bình đẳng giới.

PHẦN IV ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong thời gian tới.

Bố trí cán bộ phù hợp để kiêm nhiệm công tác bình đẳng giới

Bố trí phân bổ kinh phí cho hoạt động công tác bình đẳng giới.

Đối với MTTQ và các đoàn thể Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về BĐG; tăng cường phối hợp trong tham gia xây dựng và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách về BĐG.

2. Về việc thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030: Không

3. Các nội dung khác: Không

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác bình đẳng giới 6 tháng đầu năm 2023. UBND xã Cẩm Lương báo cáo để Phòng LĐTBXH được biết để theo dõi và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Phòng LĐTBXH (B/c);
- Chủ tịch, Phó chủ tịch; (B/c)
- MTTQ, các đoàn thể; (P/h)
- Lưu: VT, VHCS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Văn Tính

Phụ lục 2A:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2023

| Số TT | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Đơn vị tính | Kết quả thực hiện năm 2022 | Kết quả 6 tháng năm 2023 | Dự kiến kết quả thực hiện năm 2023 | Ghi chú |
|-------------------|---|-------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------------------|---------|
| Mục tiêu 1 | Trong lĩnh vực chính trị | | | | | |
| | <i>Chỉ tiêu:</i> Tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ | % | 0 | 0 | 0 | |
| | <i>Trong đó:</i> Số xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ | Xã | 0 | 0 | 0 | |
| Mục tiêu 2 | Trong lĩnh vực kinh tế, lao động | | | | | |
| 1 | <i>Chỉ tiêu 1:</i> Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương | % | 35,1 | 39,9 | 42,2 | |
| | <i>Trong đó:</i> Số lao động nữ làm công hưởng lương | Người | 389 | 415 | 438 | |
| 2 | <i>Chỉ tiêu 2:</i> Tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp | % | 44,3 | 42,1 | 40,0 | |
| | <i>Trong đó:</i> Số lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp | Người | 459 | 436 | 415 | |
| 3 | <i>Chỉ tiêu 3:</i> Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp/hợp tác xã | % | 20 | 20 | 20 | |
| | <i>Trong đó:</i> Số doanh nghiệp/hợp tác xã có nữ làm Giám đốc/chủ doanh nghiệp | doanh nghiệp/hợp tác xã | 1 | 1 | 1 | |
| Mục tiêu 3 | Đảm bảo bình đẳng giới trong đời sống gia đình và | | | | | |

| phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ giới | | | | | | |
|---|--|-------|-----|-----|-----|--|
| 1 | <i>Chỉ tiêu 1:</i> Số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ so với nam giới | Lần | 2,5 | 2,2 | 2,0 | |
| 2 | <i>Chỉ tiêu 2:</i> | | | | | |
| 2.1 | - Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản | % | 100 | 100 | 100 | |
| | Trong đó: Số người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản | Người | 0 | 0 | 0 | |
| 2.2 | - Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn | % | 0 | 0 | 0 | |
| | Trong đó: Số người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn | Người | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | <i>Chỉ tiêu 3:</i> Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng | % | 0 | 0 | 0 | |
| | Trong đó: Nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng | Người | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | <i>Chỉ tiêu 4:</i> Tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới | % | 0 | 0 | 0 | |
| Mục tiêu 4 | Trong lĩnh vực y tế | | | | | |

| | | | | | | |
|-------------------|---|----------------|------|-----|------|--|
| 1 | <i>Chỉ tiêu 1:</i> Tỷ số giới tính khi sinh (<i>số trẻ em trai/100 trẻ em gái sinh ra sống</i>) | Số trẻ em trai | | | | |
| 2 | <i>Chỉ tiêu 2:</i> Tỷ lệ tử vong bà mẹ (BM) liên quan đến thai sản/100.000 trẻ sinh sống | Số BM tử vong | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | <i>Chỉ tiêu 3:</i> Tỷ suất sinh ở vị thành niên/1.000 phụ nữ ở độ tuổi vị thành niên | Ca sinh | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | <i>Chỉ tiêu 4:</i> Cơ sở y tế tuyến tỉnh cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyên giới | Cơ sở | 0 | 0 | 0 | |
| Mục tiêu 5 | Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo | | | | | |
| 1 | <i>Chỉ tiêu 1:</i> Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục của tỉnh và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi | Nội dung BDG | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | <i>Chỉ tiêu 2:</i> | | | | | |
| 2.1 | - Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học | % | 100 | 100 | 100 | |
| 2.2 | - Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành cấp trung học cơ sở | % | 100 | 100 | 100 | |
| 3 | <i>Chỉ tiêu 3:</i> Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp | % | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | <i>Chỉ tiêu 4:</i> | | | | | |
| 4.1 | - Tỷ lệ nữ thạc sĩ; | % | 0 | 0 | 0 | |
| 4.2 | - Tỷ lệ nữ tiến sĩ; | % | 0 | 0 | 0 | |
| Mục tiêu 6 | Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông | | | | | |
| 1 | <i>Chỉ tiêu 1:</i> Tỷ lệ dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới | % | 50,1 | 52 | 53,2 | |
| 2 | <i>Chỉ tiêu 2:</i> Tỷ lệ tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập | % | 100 | 100 | 100 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|-----|-----|-----|--|
| | nhật thông tin về bình đẳng giới và thực hiện bình đẳng giới | | | | | |
| 3 | <i>Chỉ tiêu 3.</i> Tỷ lệ xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở | % | 100 | 100 | 100 | |
| 4 | <i>Chỉ tiêu 4:</i> Tỷ lệ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn có chuyên mục, chuyên đề; Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn có tin, bài tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hằng tháng | % | 100 | 100 | 100 | |

Phụ lục III:
BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU
Người làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2023

| STT | Cấp | Tổng số | Nữ | Số người làm công tác bình đẳng giới | | | | | | Số người làm công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ tại Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ | | | |
|-----|------------------|---------|----|--------------------------------------|-----|------------|-----|-------------------------------------|-----|---|-----|-------------------------------------|------|
| | | | | Chuyên trách | | Kiêm nhiệm | | Số người đã được tập huấn nghiệp vụ | | Tổng số | Nữ | Số người đã được tập huấn nghiệp vụ | |
| | | | | Tổng số | Nữ | Tổng số | Nữ | Tổng số | Nữ | | | Tổng số | Nữ |
| | | | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Cấp xã | 1 | 1 | | | 1 | | 1 | | 1 | | 1 | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: (1) = (3) + (5) + (9)

(2) = (4) + (6) + (10)

Phụ lục IV:
VAY VỐN ƯU ĐÃI TỪ CÁC CHƯƠNG TRÌNH VIỆC LÀM, GIẢM NGHÈO VÀ CÁC NGUỒN TÍN DỤNG CHÍNH THỨC
CỦA PHỤ NỮ VÙNG NÔNG THÔN NGHÈO, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Đơn vị tính: Người

| Chỉ tiêu | Tổng số phụ nữ | Trong đó: Số phụ nữ được vay vốn ưu đãi | Ghi chú |
|------------------------|-----------------------|--|----------------|
| A | 1 | 2 | |
| Tổng số | | | |
| <i>Trong đó</i> | | | |
| Vùng nông thôn nghèo | | | |
| Vùng dân tộc thiểu số | 1038 | 15 | |